

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: **06/2021/HS-ST**

Ngày 02- 02 -2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/TLST- HS ngày 06 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn S, tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị D. Bị cáo chưa có vợ .

Tiền án:

Ngày 24/11/2016, Sơn bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù, 200.000 đồng án phí HSST, 500.000đ án phí DSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong án phí HSST ngày 24/11/2016, chấp hành xong án phí DSST ngày 23/01/2017. Đến ngày 06/11/2018, S bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng tù, 200.000 đồng án phí HSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Tái phạm”. Đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong án phí HSST ngày 21/02/2019

Tiền sự: Không

Lịch sử bản thân: Quyết định số 62/QĐ-CT ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình áp dụng biện pháp quản lý, giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định 111 của Chính Phủ trong thời hạn 03 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị hại: Chị Ninh Thị H – sinh năm 1976; trú tại: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phan Huy H2 – sinh năm 1979; trú tại: Phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Trần Thanh T – sinh năm 1980; trú tại: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H3 – sinh năm 1990; trú tại: Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tiến T1 – sinh năm 1965; trú tại: Khu 8, Phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Trần Văn Đ – sinh năm 1981; trú tại: Phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Đình Đ1 – sinh năm 1985; trú tại: Tổ 13, Phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lê Văn K;

+ Anh Trần Văn B

+ Anh Đặng Văn Khả

+ Anh Hoàng Minh P

+ Ông Hoàng Văn M

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 14/7/2020, Phạm Văn S đến nhà anh Hoàng Đình Đ1 trú tại tổ 13, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình chơi. Sau đó S mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 35B1 – 967.25 của anh Đ1 để sử dụng, anh Đ1 đồng ý cho S mượn xe lúc này trong bóp xe có 01 ví da bên trong có 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên anh Đ1 và giấy đăng ký xe mô tô BKS 35B1 – 967.25 mang tên Hoàng Minh P (em trai Đ1). Ngày 17/7/2020, S điều khiển xe xuống huyện K chơi nhưng do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên S đã nhờ anh Lê Văn K sinh năm 1993 trú tại xóm 9, xã L, huyện K dẫn S đến nhà chị Ninh Thị H sinh năm 1976 trú tại xóm 6, xã L, huyện K để cầm cố chiếc xe trên cùng giấy đăng ký xe cho chị H được 7.000.000 đồng. Đến buổi sáng ngày 18/7/2020, S tiếp tục đến nhà chị H vay thêm 4.500.000 đồng thì được chị H đồng ý, nhưng S phải viết 01 giấy bán xe cho chị H. Đồng thời S hẹn 03 ngày sau đến lấy xe và sẽ trả cho chị H số tiền 12.000.000 đồng. S có gọi điện cho anh Đ1 nói về việc mình đã cầm cố xe thì anh Đ1 có nói S thu xếp lấy xe về trả lại cho anh Đ1.

Buổi sáng ngày 21/7/2020, S đến nhà Phan Huy H2 sinh năm 1979 trú tại phố T, thị trấn P nói với H2 việc mình đã cầm chiếc xe tại nhà chị H và nhờ anh H2 đi cùng để lấy xe đi cầm cố chỗ khác nếu được giá cao hơn sẽ trả số tiền vay cho chị H, phần chênh lệch còn lại S sẽ cho H2 mượn 1.000.000 đồng thì H2 đồng ý. Sau đó H2 gọi điện rủ Trần Thanh T sinh năm 1980 trú tại xóm 11, xã Y đi cùng. S, H2 đi taxi còn T điều khiển xe mô tô BKS 35B2 – 622.03 đến nhà chị

H. Tại đây S thỏa thuận và được chị H đồng ý đưa xe cho S và giấy tờ cho H2 mang đi cầm cố tại các cửa hàng cầm đồ khác với giá cao hơn và sẽ trả tiền cho chị. Sau đó S điều khiển xe chở H2 đi còn T ở lại nhà chị H.

Sau khi lấy xe S cùng H2 đến quán mua bán xe máy của anh Trần Văn B sinh năm 1984 trú tại xóm 7, xã T, đến quán tạp hóa nhà anh Đặng Văn K1 sinh năm 1981 trú tại phố C, thị trấn Y, huyện Y và đến nhà anh Bùi Văn H4 sinh năm 1979 trú tại phố P, thị trấn P để cầm cố xe nhưng không được nên cả hai người về nhà H2. H2 sang nhà anh Trần Văn Đ sinh năm 1981 trú tại phố T, thị trấn P mượn xe mô tô BKS 35B1 – 748.30 cùng S quay lại nhà chị H để trả xe. Trên đường đi S nói với anh H2 để H2 về nhà chị H trước còn mình quay lại 01 quán cầm đồ ở thị trấn P mà trước đó đã hỏi để cầm cố xe với giá 14.000.000 đồng, nếu cầm được sẽ gọi điện cho H2 mang đăng ký xe ra. S quay lại thị trấn P nhưng do không tìm được quán cầm đồ, lúc này lại đang có nhu cầu cần tiền nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe, S điều khiển xe về thẳng huyện Y mà không liên lạc lại với H2 và chị H. Về phía anh H2 sau khi về nhà chị H, thấy S chưa về nên H2 gọi điện nhưng S không nghe máy nên quay lại thị trấn P tìm S nhưng không thấy, không liên lạc và không tìm được S anh H2 quay lại cùng với chị H lên Công an xã L trình báo sự việc. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, sáng ngày 22/7/2020 S đến nhà Nguyễn Văn H3 sinh năm 1990 trú tại thôn H, xã Y, huyện Y nhờ H3 tìm chỗ cầm đồ thì H3 đồng ý và đưa S đến nhà ông Nguyễn Tiến T1 sinh năm 1965 trú tại khu 8, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cầm cố chiếc xe với giá 5.000.000 đồng. Số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ các vật chứng của vụ án gồm: 03 xe mô tô BKS 35B1 – 967.25, 35B2 – 622.03, 35B1 – 748.30 và đăng ký xe. Thu của S 01 ví da bên trong có 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên anh Hoàng Đình Đ1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim 0865501360.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/HĐĐG ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 35B1 – 967.25 có giá trị là 22.800.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 08/CT – VKS - KS ngày 06 tháng 01 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 30 (Ba mươi) tháng tù đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 17 tháng 9 năm 2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn S phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Ninh Thị H số tiền là 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T1 số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*)

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của Phạm Văn S và tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0865501360 lắp trong điện thoại do bị cáo không có nhu cầu lấy lại.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Văn S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo như nội dung bản cáo trạng, bị cáo khai: Buổi tối ngày 14/7/2020, bị cáo đến nhà anh Hoàng Đình Đ1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 35B1 – 967.25 của anh Điệp để sử dụng, do không có tiền tiêu sài nên S đã mang xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 35B1 – 967.25 xuống xóm 6, xã L, huyện K lúc đầu là cầm cố sau đó bị cáo bán cho chị Ninh Thị H trú tại xóm 6, xã L, huyện K với số tiền 11.500.000 đ. Sơn viết 01 giấy bán xe cho chị H và hẹn 03 ngày sau đến lấy xe và hứa sẽ trả cho chị H số tiền 12.000.000 đồng. Sau đó S gọi điện cho anh Đ1 thông báo về việc mình đã cầm cố chiếc xe trên. Đến ngày 21/7/2020, S nhờ anh H2 là bạn bè của S đi cùng để đến nhà chị H lấy xe Exciter BKS 35B1 – 967.25 đi cầm cố chỗ khác với giá cao hơn, sau đó sẽ trả lại tiền cho chị H, phần chênh lệch còn lại S sử dụng và cho H2 mượn 1.000.000 đồng để anh H2 giải quyết việc gia đình thì anh H2 đồng ý. Khi đến nhà chị H. Sơn thỏa thuận và được chị H tin tưởng đồng ý đưa xe cho S và giấy tờ cho anh H2 để đưa đi bán hoặc cầm cố tại các cửa hàng cầm đồ khác để lấy tiền trả cho chị H. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, sáng ngày 22/7/2020 S nhờ bạn là Nguyễn Văn H3 đưa S đến nhà anh Nguyễn Tiến T1 sinh năm 1965 trú tại khu 8, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cầm cố chiếc xe với giá 5.000.000 đồng. Số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng các vật chứng đã thu giữ đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo của bị hại, biên bản sự việc, kết luận định giá tài sản. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Ngày 21/7/2020, tại xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình Phạm Văn S đã có hành vi mượn tài sản là chiếc

xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 35B1 – 967.25 có giá trị 22.800.000 đồng của chị Ninh Thị H nhưng sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Mặt khác ngày 24 tháng 11 năm 2016 bị cáo Sơn đã bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 24 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 06 tháng 11 năm 2018 bị cáo S bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 9 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tính đến thời điểm hiện tại bị cáo S phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm

[3] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[4] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, Việc bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của chị H, mượn tài sản của chị H, sau đó bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại mà không đem tài sản trả lại cho bị hại. Thủ đoạn phạm tội của bị cáo thể hiện sự gian dối, lừa đảo, bất chấp coi thường pháp luật tạo dư luận xấu và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân ở địa phương. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, chưa có vợ con nhưng không chịu khó tu trí làm ăn hợp pháp để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân mình, lười lao động và lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Mặt khác bản thân bị cáo S là người có nhân thân xấu. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần phạm tội và chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội nghiêm trọng. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt là tù có thời hạn đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như vậy mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo để bị cáo có thời gian nhận thức được hậu quả hành vi phạm tội của mình đồng thời có tác dụng giáo dục đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với anh Hoàng Đình Đ1, ngày 14/7/2020 anh Đ1 nhất trí cho Phạm Văn S mượn xe mô tô BKS 35B1 – 967.25 để sử dụng, mặc dù S đã cầm cố chiếc xe trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân nhưng anh Đ1 không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với S mà chỉ yêu cầu S trả lại chiếc xe cho anh Đ1 nên đây chỉ là giao dịch dân sự giữa anh Đ1 và S.

Trong vụ án này có anh Nguyễn Văn H3 là người được S nhờ đi cầm cố chiếc xe mô tô BKS 35B1 – 967.25 và anh Nguyễn Tiến T1 là người nhận cầm chiếc xe trên để S lấy 5.000.000 đồng. Anh H3 và anh T1 không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có nên hành vi của anh H3 và anh T1 không cấu thành tội “Chứa chấp hoặc Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. CQĐT - Công an huyện K đã nhắc nhở rút kinh nghiệm đối với 02 người này là phù hợp.

Các anh Phan Huy H2 và anh Trần Thanh T là người đi cùng với Phạm Văn S đến nhà chị Ninh Thị H. Cả hai người này đều không bàn bạc, thống nhất với S để chiếm đoạt tài sản cũng không được hưởng quyền lợi gì từ việc S chiếm đoạt tài sản của chị H nên anh H2 và anh T không đồng phạm với S về tội này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Ninh Thị H yêu cầu bị cáo Phạm Văn S phải bồi thường cho chị số tiền 11.500.000đ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền là 5.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với mức bồi thường mà chị H và anh T1 yêu cầu, Do vậy nay cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H là 11.500.000đ và bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T1 số tiền là 5.000.000đ

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm: đã trả lại cho anh Trần Thanh T xe mô tô BKS 35B2 – 622.03 và đăng ký xe; trả lại cho anh Trần Văn Đ xe mô tô BKS 35B1 – 748.30 và đăng ký xe; trả lại cho anh Hoàng Đình Đ1 xe mô tô BKS 35B1 – 967.25, đăng ký xe và 01 ví da bên trong có 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên anh Hoàng Đình Đ1. Các anh T, Đ, Đ1 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì. Việc trả lại những tài sản trên cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Cơ quan CSĐT - Công an huyện K là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của bị cáo có lắp sim số 0865501360 tại phiên bị cáo đề nghị không nhận lại chiếc điện thoại cũng như sim lắp trong điện thoại. Do vậy nay cần tịch thu sung ngân sách nhà 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel. Đối với sim điện thoại số 0865501360 cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 17/9/2020 .

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự:

+ Bị cáo Phạm Văn S có trách nhiệm bồi thường cho chị Ninh Thị H số tiền 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Bị cáo Bị cáo Phạm Văn S có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Tiến T1 số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đỏ có IMEL 355020053065115, Tịch thu tiêu hủy sim số 0865501360 lắp trong điện thoại.

(*Chi tiết vật chứng có đặc giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phạm Văn S phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 825.000đ (*Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2021). Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Bị cáo.
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh